

MỘT SỐ LƯU Ý KHI DẠY HỌC THƠ MỚI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

○ ThS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG*

Phong trào Thơ mới (TM) chiếm vị trí quan trọng trong tiến trình phát triển của văn học dân tộc. Với sự coi trọng của cá nhân cá thể, TM luôn xem «cái tôi» là đối tượng thẩm mỹ, là «điểm sáng» của thế giới tinh thần con người; đồng thời «giải phóng» câu thơ thoát khỏi sự ràng buộc của niêm luật, «tạo dáng» lại cho câu thơ tiếng Việt bằng những hình ảnh, ngôn từ sáng tạo, độc đáo, đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của người đọc. Chính vì vậy, một số tác phẩm TM cũng đã được lựa chọn để đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn ở phổ thông hiện hành. Bài viết này trao đổi cùng đồng nghiệp một vài điểm cần lưu ý khi dạy học các văn bản TM nhằm giúp học sinh (HS) cảm nhận sâu sắc cái hay, cái đẹp trong các văn bản đó.

1. Khắc họa sự bùng nổ của ý thức cá nhân và cá tính sáng tạo của nhà thơ

Có thể nói, trong TM, «cái tôi» là cá nhân tự ý thức, là bản ngã đòi được khẳng định, đánh dấu một bước quan trọng trong tiến trình phát triển tư tưởng nhân loại. Sự bùng nổ và trỗi dậy của cái tôi cá nhân đã đem lại cho TM một cái nhìn về thế giới mà trước đó chưa từng một lần xuất hiện - đó là quan niệm mới mẻ về không gian, thời gian, đặc biệt là về con người.

Khi ý thức cá nhân bùng nổ cũng là lúc các nhà TM nhận ra «chỗ đứng» và bản lĩnh nghệ thuật của mình. Họ đã tự tìm cho mình một hướng đi nghệ thuật riêng, tự ghi dấu ấn bản thân trong mỗi trang thơ để từ đó những cái tên như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Huy Cận,... trở nên quen thuộc trên văn đàn, xuất hiện cùng một lúc và chiếu tỏa những ánh sáng khác nhau trên bầu trời văn học. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã nhận xét: «*Hãy sánh thời đại cùng thời đại, tôi quyết rằng trong lịch sử thơ ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp,*

ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu» (1). Chính vì vậy, khi phân tích tiếp cận các tác phẩm TM không thể không quan tâm đến sự bùng nổ của ý thức cá nhân và cá tính sáng tạo của nhà thơ để nhận rõ vị trí của mỗi nhà thơ giữa trào lưu chung TM.

Cá tính sáng tạo là biểu hiện rực rỡ nhất của các phạm trù cái chủ quan, cái cá biệt, cái đặc thù, cái không lặp lại trong tài năng của nghệ sĩ; đồng thời cũng chính là cơ sở của phong cách nghệ thuật. Đánh giá một nhà văn có tên tuổi cần căn cứ vào phong cách nghệ thuật, cá tính sáng tạo của họ. Một tài năng độc đáo phải có tiếng nói riêng, một giọng riêng của mình. «*Chất giọng*», cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ càng mạnh mẽ, rõ rệt bao nhiêu thì sự cống hiến của người đó vào nghệ thuật càng lớn bấy nhiêu. Cá tính sáng tạo của nhà thơ thể hiện trước hết ở sự độc đáo trong cách nhìn những hiện tượng của cuộc sống với những khái quát mang tính chất sáng tạo ở họ. Điều đó cũng có nghĩa là sự độc đáo của tác giả không chỉ thể hiện trong phong cách mà còn thể hiện trong cách tư duy, trong những quan điểm về nghệ thuật...

Các nhà TM đều chiếm lĩnh hiện thực đời sống bằng «bản lĩnh» riêng của mình. Phát huy khả năng của giác quan để cảm thụ thế giới khách quan, họ diễn đạt những cảm nhận cá nhân về tạo vật bằng một giọng điệu riêng, phù hợp với khí chất, bản chất, cũng như sự trải nghiệm riêng và hoàn cảnh riêng của họ. Chính vì những «cái riêng» đó mà khi nhắc tới Xuân Diệu, người ta nghĩ ngay về nỗi ám ảnh về thời gian; nhắc đến Huy Cận là sự khắc khoải không gian; ở Thế Lữ là sự khát vọng tự do trong người bộ hành phiêu lãng; Hàn Mặc Tử là lối tư duy thơ độc đáo; với Vũ Đình Liên là nỗi ngậm ngùi thiên cổ,... Mỗi tên nhà thơ gắn với cá tính sáng tạo của họ, vì vậy, khi dạy học các tác phẩm TM, giáo viên (GV) bộ môn có thể xem đó như là một căn cứ,

* Trường Đại học Hồng Đức

một «gợi ý» để mở cánh cửa đi vào tác phẩm.

Chẳng hạn, khi nói đến Xuân Diệu, có thể thấy nổi ám ảnh về thời gian đã chi phối nhiều bình diện của nghệ thuật trong thơ ông. Đó là cách cảm nhận rất riêng của Xuân Diệu đối với cảnh vật. Trong mắt thi nhân, mọi sự vật đều thay đổi diện mạo và linh hồn, đặc biệt là sắc màu. Đọc câu thơ: «*Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh*» (*Đây mùa thu tới* - Ngữ văn 11), người đọc như thấy có sự lấn dần, sự bào mòn của màu sắc, thể hiện sự vận động của thời gian một cách âm thầm lặng lẽ nhưng mãnh liệt để khi màu sắc bị động hóa cũng là lúc thời gian đắm chìm và hồn người lắng dần trong suy tưởng. Giọng điệu thơ Xuân Diệu cũng bị chi phối bởi thời gian. Sự hối thúc của thời gian như giục giã lòng người, vì vậy nhịp thơ ngắn dỗi dào cảm xúc mãnh liệt: «*Tôi muốn tắt nắng đi/ Cho màu đừng nhạt mất/ Tôi muốn buộc gió lại/ Cho hương đừng bay đi*» (*Vội vàng* - Ngữ văn 11).

Tim hiểu cá tính sáng tạo của Xuân Diệu khi phân tích bài thơ *Vội vàng* và *Đây mùa thu tới*, GV có thể đặt ra các câu hỏi: «*Cũng nói về thời gian, nhưng với các nhà thơ cổ, cách cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ có gì đặc sắc?*» và «*Có người nói, nổi ám ảnh lớn nhất trong thơ Xuân Diệu là nổi ám ảnh về thời gian. Em thấy nhận xét này như thế nào?*»,...

Cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ không tách rời cái tôi cá nhân của mình. Nhưng không nên lẫn lộn cá tính sáng tạo của nhà thơ với «chủ nghĩa cá nhân» (mặc dù, khi ý thức cá nhân bùng tỉnh cũng chính là cơ sở để hình thành cá tính sáng tạo). Nếu chỉ «thối phồng» những tâm trạng và tình cảm cá nhân quá hẹp sẽ dễ hủy hoại cá tính sáng tạo, tài năng của nhà thơ. Hiểu được điều này, GV sẽ giúp HS có cái nhìn biện chứng đối với trào lưu TM. Thế giới được «khúc xạ» qua TM bằng cái tôi cá nhân của người nghệ sĩ. Thế giới ở đây không giản đơn, cụ thể mà là cái được nhận thức một cách tích cực, được nghệ sĩ nếm trải, thể nghiệm và trở thành một bộ phận của cái tôi tinh thần trong con người nghệ sĩ. Đi tìm cá tính sáng tạo và gọi tên được cá tính đó có tác dụng như một định hướng trong hành trình tìm hiểu, tiếp nhận các phẩm TM. Cảm hiểu, nắm bắt được cá tính sáng tạo của nhà văn là biểu hiện trong kết quả tiếp nhận văn học ở mức độ sâu sắc nhất.

Mỗi nhà thơ có một cách nhìn đời, cách phản ánh thể hiện và một lối tư duy riêng. Để tác phẩm này không lẫn với tác phẩm kia, để một tác phẩm

có chỗ đứng riêng trong lòng HS, dạy học văn nói chung, dạy học TM nói riêng phải chú ý khắc họa phong cách, cá tính sáng tạo riêng của nhà thơ, qua đó giúp các em thấy yêu quý và trân trọng hơn những thành tựu văn học của một thời.

2. Khắc họa các cung bậc cảm xúc tinh tế, đa dạng của tác giả

Như đã nói, TM là biểu hiện của cái «tôi» cá nhân với vô vàn những cung bậc cảm xúc phong phú, đa dạng. Mỗi cung bậc lại có những sắc thái riêng. Mạch cảm xúc chi phối dòng TM chủ yếu là *nỗi buồn* - điểm hội tụ của những mối sầu lớn: sầu nhân thế, sầu thời thế và sầu thân thế. Nhưng nỗi buồn cũng có nhiều cung bậc, màu sắc đậm, nhạt khác nhau: cô đơn, bơ vơ; u hoài, man mác; u uất, náo nức; cảm thương, chua xót; thắm thía, miên man,... Để tránh sự hời hợt, nông cạn, nhàm chán, khi dạy học TM, GV cần chỉ ra được những sắc thái tình cảm, cảm xúc riêng, tinh tế, độc đáo của mỗi bài thơ, thậm chí của từng khổ thơ, câu thơ trong bài.

Chẳng hạn, cùng viết về nỗi buồn, nhưng nỗi buồn trong bài *Đây mùa thu tới* khác với nỗi buồn trong bài *Vội vàng* mặc dù cả hai đều là sản phẩm của một phong cách nghệ thuật Xuân Diệu. Ở *Đây mùa thu tới*, nỗi buồn thắm thía khôn nguôi chế ngự nơi sâu thẳm nhất trong tâm hồn con người trước không khí mùa thu tràn ngập: «*ít nhiều thiếu nữ buồn không nói/ Tựa của nhìn xa nghĩ ngợi gì*». Xuân Diệu gọi đích thân nỗi buồn nhưng nó còn có một sắc thái gì đó khác nữa ở cái dáng đứng «*buồn không nói*» và «*ng nghĩ ngợi gì*» của thiếu nữ - một nỗi buồn xa xăm, mơ hồ và gợi một chút xôn xao trong cái nhìn im lặng khiến cho người đọc phải bồi hồi. Còn trong bài thơ *Vội vàng* lại là nỗi buồn trong sự hối hả, cuống quýt đầy nuối tiếc bởi có sự chiêm nghiệm, từng trải, thấm nhuần quy luật của thời gian, thấu hiểu rõ rệt cái hữu hạn của cuộc đời; là nỗi buồn của sự bất lực, tuyệt vọng khi không tránh khỏi cuộc chia phôi. Thi sĩ như cảm thấy, thậm chí chạm tay được vào mỗi khoảnh khắc đang lìa bỏ hiện tại để trở thành quá khứ mà ra đi vĩnh viễn: «*Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi/ Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt*».

Chùm thơ của Xuân Diệu được lựa chọn dạy trong Ngữ văn 11 vô tình mà hữu ý đã trở thành một hành trình «chuyển hóa» của nỗi buồn. Nỗi buồn của Xuân Diệu khác Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Thâm Tâm, Vũ Đình Liên... Nỗi buồn đó bắt nguồn từ những tình cảm chung nhưng bị chi phối mãnh liệt bởi tình cảnh, cá tính, cảnh ngộ riêng của

mỗi nhà thơ. Hiểu được điều đó mới giải thích được tại sao Hàn Mặc Tử lại có nỗi buồn cô đơn tuyệt vọng (*Đây thôn Vĩ Dạ*); Huy Cận lại mang nỗi buồn bơ vơ, luôn ở trong cảm giác sống giữa quê hương mà thấy thiếu quê hương (*Tràng giang*); Vũ Đình Liên luôn hoài niệm xót xa ngậm ngùi về quá khứ để rồi chìm đắm trong nỗi buồn hoài cổ (*Ông đồ*); Thế Lữ suốt cả cuộc đời phiêu lãng chợt nhận nỗi buồn uất hận của một con người thất thế sa cơ «gậm một khối căm hờn trong cũi sắt» (*Nhớ rừng*),... Cho nên, khi dạy bài thơ *Tổng biệt hành* (Thâm Tâm), để giúp HS chỉ ra được sự phức tạp của cảm xúc, sự tinh tế trong tâm hồn đã làm nên cuộc chia li trong tâm tưởng của tác giả, GV có thể đặt các câu hỏi như sau: «Em thử hình dung và tái hiện lại diễn biến tâm trạng của li khách theo những thời khắc cụ thể», hay «Có ý kiến cho rằng, *Tổng biệt hành* là lời của người ra đi. Lại có ý kiến khác cho rằng đó là lời của người đưa tiễn. Ý kiến của các em?».

Ngay trong một bài thơ, các cung bậc cảm xúc cũng biến đổi tinh tế theo từng câu, từng khổ. Chẳng hạn, khổ 1 trong bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* là nỗi buồn vắng vẻ, hoài niệm ngọt ngào khi nhớ về những kỉ niệm xưa; khổ 2 là nỗi buồn có cái vẻ lay lắt, hốt hoảng; khổ 3 là nỗi buồn trong sự vô vọng, tuyệt vọng... GV có thể đặt câu hỏi định hướng cho HS tìm hiểu những cung bậc cảm xúc qua từng khổ thơ ấy: «Âm điệu chung của bài thơ là buồn. Những sắc thái của nỗi buồn ở ba khổ thơ có giống nhau không? Tại sao?»

Khắc họa những cung bậc cảm xúc tinh tế, đa dạng, tránh chung chung trong dạy học TM giúp HS phát hiện ra cái diễn biến không lặp lại, sự tinh tế của từng điệu hồn, điệu tình cảm và ngôn ngữ thơ với sự đa chiều của cảm xúc ở mỗi nhà thơ; qua đó giúp các em thêm yêu thích văn chương nghệ thuật hơn, sống mặn cảm và nhạy cảm hơn.

* * *

Sự phong phú của cuộc sống là cội nguồn không bao giờ cạn của những khám phá nghệ thuật độc đáo. Mỗi con người đồng thời cũng là một thế giới, thể hiện sâu sắc những dạng biểu hiện của tâm trạng trước cuộc đời. Đây cũng là cách mà các nhà TM thể hiện tình yêu đời, yêu cuộc sống. □

(1) Hoài Thanh - Hoài Chân. **Thi nhân Việt Nam**. NXB Văn học, H. 2005.

Tài liệu tham khảo

1. Ngữ văn 11 (tập 2). NXB Giáo dục, H.2009.

2. Phan Cự Đệ. **Phong trào Thơ mới**. NXB Khoa học xã hội, H. 1982.

3. Trần Đình Sử. **Những thế giới nghệ thuật thơ**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.

4. Lê Xuân Soan. **Dạy học các tác phẩm thơ mới ở trường phổ thông**. NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.

5. Chu Văn Sơn. **Ba đỉnh cao Thơ mới**. NXB Giáo dục, H. 2003.

6. Lê Bá Hán. **Tinh hoa Thơ mới, thẩm bình và suy ngẫm**. NXB Giáo dục, H.2001.

SUMMARY

Poetry is the desire for freedom, is the sense of personal awakening. Poetry is an expression of subtle emotions, the artist's diversity. So when the new teaching poetry in high school, teachers must pay attention is to portray the poet's own, individual creativity of the poet, generally avoid superficial.

Vấn đề đào tạo nghề...

(Tiếp theo trang 56)

khí - Mi thuật ứng dụng - Kế toán, kiểm toán - Công nghệ thông tin . 2011.

3. UBND tỉnh Bình Dương. **Quy hoạch dạy nghề tỉnh Bình Dương giai đoạn 2009-2020**. 2010.

4. Trần Khánh Đức. **Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.

5. Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha. **Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 2006.

6. Phan Chính Thức. "Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Luận án tiến sĩ. 2003.

7. Nguyễn Đức Trí. **Giáo trình Giáo dục học nghề nghiệp**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.

SUMMARY

In addition to using technical workforce available on demand from other provinces, then training the skilled labor on site service is required necessary and urgent, in which training plays a key role to serve the industry, especially the support industry. Therefore, besides groups of measures to ensure the quality of training inside the entrance way to improve vocational education and group solutions to ensure the quality of external training can solve the problem of lack of skilled labor in inside and outside the current industrial park.